

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG THPT NĂNG KHIẾU TDTT
HUYỆN BÌNH CHÁNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 7 năm 2023.

Số: 31 /QĐ-NKTDTTBC

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công khai quyết toán Thu - Chi nguồn NSNN và nguồn khác
Quý 2 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THPT NĂNG KHIẾU TDTT
HUYỆN BÌNH CHÁNH

Căn cứ Nghị định số 163/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 06 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách hỗ trợ;

Căn cứ vào chứng từ thu, chi nguồn NSNN và nguồn khác của đơn vị trong quý 2 và 6 tháng đầu năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu thu - chi nguồn NSNN và nguồn khác quý 2 năm 2023 của trường THPT Năng Khiếu TDTT huyện Bình Chánh (theo biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Bộ phận tài vụ, văn phòng và các bộ phận có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận :

-Như điều 1

-Lưu: VT.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đơn vị: Trường THPT NĂNG KHIẾU TDTT HUYỆN BÌNH CHÁNH

Chương: 422

THÔNG BÁO

CÔNG KHAI QUYẾT TOÁN THU - CHI NGUỒN NSNN, NGUỒN KHÁC QUÝ 2 NĂM 2023
(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán trực tiếp sử dụng kinh phí NSNN)

Đơn vị tính: Đồng

Số TT	Chỉ tiêu	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt
A	Quyết toán thu		
I	Tổng số thu	2.746.750.000	
1	Thu phí, lệ phí	265.100.000	
	Học phí	265.100.000	
2	Thu hoạt động SX, cung ứng dịch vụ (Chi tiết theo từng loại hình SX, dịch vụ)	0	
3	Thu viện trợ (chi tiết theo từng dự án)	0	
4	Thu sự nghiệp khác	0	
	Bảo hiểm y tế để lại chăm sóc SKBD HS		
5	Thu khác	2.481.650.000	
	Căn tin + Nhà xe	90.000.000	
	Phục vụ - quản lý bán trú	365.650.000	
	Vệ sinh bán trú	61.350.000	
	Tiếng anh bản ngữ	143.150.000	
	Học phí buổi 2	1.821.500.000	
II	Số thu nộp NSNN		
1	Phí, lệ phí (Chi tiết theo từng loại phí, lệ phí)		
2	Hoạt động SX, cung ứng dịch vụ (Chi tiết theo từng loại hình SX, dịch vụ)		
3	Hoạt động sự nghiệp khác (Chi tiết theo từng loại thu)		
III	Số được để lại chi theo chế độ	2.746.750.000	
1	Phí, lệ phí (Chi tiết theo từng loại phí, lệ phí)	265.100.000	
2	Hoạt động SX, cung ứng dịch vụ (Chi tiết theo từng loại hình SX, dịch vụ)		
3	Thu viện trợ		
4	Hoạt động sự nghiệp khác (Chi tiết theo từng loại thu)	2.481.650.000	
B	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	4.518.147.982	
1	Loại 490, khoản 494		
	- Mục: 6000 Thanh toán cho cá nhân	3.283.742.332	
	+ Tiểu mục 6001 Lương theo ngạch, bậc	731.863.415	
	+ Tiểu mục 6101 Phụ cấp chức vụ	20.561.999	
	+ Tiểu mục 6105 Phụ cấp làm thêm giờ	552.941.418	
	+ Tiểu mục 6107 Phụ cấp độc hại	1.192.000	
	+ Tiểu mục 6112 Phụ cấp ưu đãi nghề	353.068.061	
	+ Tiểu mục 6113 Phụ cấp trách nhiệm	49.170.000	

Số TT	Chỉ tiêu	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt
	+ Tiểu mục 6115 Phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề	31.230.847	
	+ Tiểu mục 6149 PC khác: Sân bãi, đứng nắng	8.835.700	
	+ Tiểu mục 6299 Chi khác		
	+ Tiểu mục 6301 BHXH	138.892.507	
	+ Tiểu mục 6302 BHYT	23.810.146	
	+ Tiểu mục 6303 KPCĐ	15.873.430	
	+ Tiểu mục 6304 BHTN	7.936.718	
	+ Tiểu mục 6449 Chi khác	1.348.366.091	
	- Mục: 6500 Hàng hóa dịch vụ	1.234.405.650	
	+ Tiểu mục 6618 Khoản điện thoại	2.700.000	
	+ Tiểu mục 6704 Khoản công tác phí	11.100.000	
	+ Tiểu mục 6757 Thuê lao động trong nước	7.800.000	
	+ Tiểu mục 7004 Đồng phục, trang phục	5.400.000	
	+ Tiểu mục 7049 Chi khác	57.895.200	
	+ Tiểu mục 7053 Mua, bảo trì phần mềm CNTT	3.600.000	
	+ Tiểu mục 7757 Chi mua BH tài sản	7.700.000	
	+ Tiểu mục 7766 Cấp bù học phí	1.137.100.000	
	+ Tiểu mục 7854 Thanh toán DVCC Đảng	1.110.450	
2	Loại ..., khoản ...		
C	Quyết toán chi nguồn khác	2.652.106.057	

* **Ghi chú:** Quyết toán chi nguồn NSNN bao gồm cả nguồn viện trợ

Ngày 17 tháng 7 năm 2023.

Thủ trưởng đơn vị



Bùi Thiện Đạo

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đơn vị: Trường THPT NĂNG KHIẾU TDTT HUYỆN BÌNH CHÁNH

Chương: 422

THÔNG BÁO

CÔNG KHAI QUYẾT TOÁN THU - CHI NGUỒN NSNN, NGUỒN KHÁC 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2023

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán trực tiếp sử dụng kinh phí NSNN)

Đơn vị tính: Đồng

Số TT	Chỉ tiêu	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt
A	Quyết toán thu		
I	Tổng số thu	4.472.200.000	
1	Thu phí, lệ phí	684.100.000	
	Học phí	684.100.000	
2	Thu hoạt động SX, cung ứng dịch vụ (Chi tiết theo từng loại hình SX, dịch vụ)	0	
3	Thu viện trợ (chi tiết theo từng dự án)	0	
4	Thu sự nghiệp khác	0	
	Bảo hiểm y tế để lại chăm sóc SKBĐ HS		
5	Thu khác	3.788.100.000	
	Căn tin + Nhà xe	180.000.000	
	Phục vụ - quản lý bán trú	602.450.000	
	Vệ sinh bán trú	120.650.000	
	Tiếng anh bản ngữ	449.400.000	
	Học phí buổi 2	2.435.600.000	
II	Số thu nộp NSNN		
1	Phí, lệ phí (Chi tiết theo từng loại phí, lệ phí)		
2	Hoạt động SX, cung ứng dịch vụ (Chi tiết theo từng loại hình SX, dịch vụ)		
3	Hoạt động sự nghiệp khác (Chi tiết theo từng loại thu)		
III	Số được để lại chi theo chế độ	4.472.200.000	
1	Phí, lệ phí (Chi tiết theo từng loại phí, lệ phí)	684.100.000	
2	Hoạt động SX, cung ứng dịch vụ (Chi tiết theo từng loại hình SX, dịch vụ)		
3	Thu viện trợ		
4	Hoạt động sự nghiệp khác (Chi tiết theo từng loại thu)	3.788.100.000	
B	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	6.293.933.534	
1	Loại 490, khoản 494		
	- Mục: 6000 Thanh toán cho cá nhân	4.961.935.745	
	+ Tiểu mục 6001 Lương theo ngạch, bậc	1.472.488.028	
	+ Tiểu mục 6101 Phụ cấp chức vụ	41.794.499	
	+ Tiểu mục 6105 Phụ cấp làm thêm giờ	552.941.418	
	+ Tiểu mục 6107 Phụ cấp độc hại	2.980.000	

	+ Tiểu mục 6112 Phụ cấp ưu đãi nghề	706.798.160	
	+ Tiểu mục 6113 Phụ cấp trách nhiệm	125.160.000	
	+ Tiểu mục 6115 Phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề	62.817.214	
	+ Tiểu mục 6149 PC khác: Sân bãi, đứng nắng	16.866.800	
	+ Tiểu mục 6301 BHXH	280.374.105	
	+ Tiểu mục 6302 BHYT	48.064.137	
	+ Tiểu mục 6303 KPCĐ	32.042.756	
	+ Tiểu mục 6304 BHTN	16.021.388	
	+ Tiểu mục 6449 Chi khác	1.603.587.240	
	- Mục: 6500 Hàng hóa dịch vụ	1.331.997.789	
	+ Tiểu mục 6551 Văn phòng phẩm	3.730.000	
	+ Tiểu mục 6605 Cước phí Internet	10.118.865	
	+ Tiểu mục 6618 Khoản điện thoại	5.400.000	
	+ Tiểu mục 6704 Khoản công tác phí	22.200.000	
	+ Tiểu mục 6757 Thuê lao động trong nước	13.000.000	
	+ Tiểu mục 6799 Chi phí thuê mướn khác	14.850.000	
	+ Tiểu mục 6912 Các thiết bị CNTT	6.500.000	
	+ Tiểu mục 7004 Đồng phục, trang phục	5.400.000	
	+ Tiểu mục 7049 Chi khác	100.178.024	
	+ Tiểu mục 7053 Mua, bảo trì phần mềm CNTT	3.600.000	
	+ Tiểu mục 7757 Chi mua BH tài sản	7.700.000	
	+ Tiểu mục 7766 Cấp bù học phí	1.137.100.000	
	+ Tiểu mục 7854 Thanh toán DVCC Đảng	2.220.900	
2	Loại ..., khoản ...		
C	Quyết toán chi nguồn khác	4.355.494.044	

* **Ghi chú:** Quyết toán chi nguồn NSNN bao gồm cả nguồn viện trợ

Ngày 17 tháng 7 năm 2023.

Thủ trưởng đơn vị



Bùi Thiện Đạo